

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12/9/2023
V/v Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoàng

2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 534/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1978;

Nơi thường trú: Tổ 03, phường T L, thành phố P, tỉnh Gia Lai và nơi ở hiện tại: 13 L L, phường H T, thành phố P, tỉnh Gia Lai

2- *Bị đơn:* Anh Trần Trường H, sinh năm 1979;

Nơi thường trú: Tổ 03, phường T L, thành phố P, tỉnh Gia Lai và nơi ở hiện tại: 02/30 T V B, Khu đô thị Cầu sắt, Thôn 06, xã T Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Trường H tự nguyện chung sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C Á, P, Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, cùng nhau làm ăn xây dựng gia đình, tuy nhiên những năm trở lại đây vợ chồng thường xuyên cãi vã thậm chí đánh nhau vì bất đồng quan điểm, không cùng quan điểm về cách dạy con, cách

sinh hoạt, vì các lý do này quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng bắt đầu đi xuống, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại với nhau trao đổi tìm cách giải quyết mâu thuẫn, gia đình cùng có can thiệp giảng giải nhưng sự việc vẫn không được giải quyết, vợ chồng vẫn không thể hòa thuận được với nhau. Năm 2014 vì cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đã có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh H, tuy nhiên sau đó chị đồng ý đoàn tụ với anh H nhưng cuộc sống chung từ sau khi vợ chồng đoàn tụ đến nay vẫn không thể cải thiện. Do mâu thuẫn căng thẳng chị và anh H sống ly thân, không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H đã thật sự mất hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trường H. Mặc dù đã được Tòa án phân tích, hòa giải động viên nhưng chị thấy vợ chồng không thể quay lại đoàn tụ được nữa, chị hiện không còn tình cảm với anh H, lý do anh H đưa ra không đồng ý ly hôn với chị vì anh H bị tàn tật, chị muốn chiếm đoạt tài sản làm của riêng là không đúng vì anh H bị tai nạn từ năm 2006 đến nay.

Về con chung: Chị và anh Trần Trường H có hai con chung là Trần Nguyễn Băng G, sinh ngày 09/12/2012 và Trần Gia H, sinh ngày 25/5/2003. Ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nguyễn Băng G, đối với con chung là Trần Gia H đã trưởng thành tự lập riêng nên không đề cập đến việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Trường H trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị M về hôn nhân, về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hạnh phúc tuy nhiên ba năm trở lại đây vì anh bị tai nạn và bị bệnh ngày càng nặng nên chị M muốn ly hôn, giữa hai vợ chồng anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Nay chị M yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc M vì chị M muốn chiếm đoạt tài sản làm của riêng, anh thừa nhận anh và chị M đã sống ly thân, không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc M có hai con chung là Trần Nguyễn Băng G, sinh ngày 09/12/2012 và Trần Gia H, sinh ngày 25/5/2003. Trường hợp nếu phải ly hôn anh tự nguyện giao chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nguyễn Băng G, đối với con chung là Trần Gia H đã trưởng thành tự lập riêng nên không đề cập đến việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị Ngọc M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh Trần Trường H theo quy định của pháp luật.

Đơn khởi kiện của chị M được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Anh Trần Trường H cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Trần Trường H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C Á, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 26 tháng 6 năm 2002. Vì vậy, hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị M thì thấy, yêu cầu ly hôn của chị M không được anh H đồng ý. Theo chị M khai thì trong quá trình chung sống với nhau, giữa chị và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung, giữa chị và anh H tính cách không hợp nhau, chị cho rằng tình cảm chị đối với anh đã hết, không phải do anh bị tàn tật mới yêu cầu ly hôn. Xét nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị M và anh H là do tính cách vợ chồng không hợp, anh H không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng giữa anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, chị M muốn ly hôn với anh vì anh tàn tật và muốn chiếm đoạt tài sản của anh làm của riêng, nhưng khi mâu thuẫn bất đồng quan điểm xảy ra, không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ, anh H tuy không đồng ý ly hôn nhưng lại không có động thái để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị M và anh H đều thừa nhận anh chị sống ly thân không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng chị M không đồng ý đoàn tụ. Mặt khác năm 2014 chị M đã có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H, tuy nhiên sau đó chị M đã đồng ý đoàn tụ để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng đến nay chị M khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh H.

Từ những nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã làm cho tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Trần Trường H có hai con chung là Trần Nguyễn Băng G, sinh ngày 09/12/2012 và Trần Gia H, sinh ngày 25/5/2003. Ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nguyễn Băng G, đối với con chung là Trần Gia H đã trưởng thành tự lập riêng nên không đề cập đến việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Băng G thì cháu G có nguyện vọng được sống chung với chị M khi cha mẹ ly hôn, anh H cũng đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng trong trường hợp anh và chị M ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung thành niên và có khả năng tự lập được.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

[3] Về án phí: Chị M là nguyên đơn, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy quan điểm và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144, Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24 và các điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M.
 - Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với anh Trần Trường H.
 - Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Nguyễn Băng G, sinh ngày 09/12/2012 cho chị Nguyễn Thị Ngọc M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Thời gian giao nuôi con từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên

hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về án phí: **Chị Nguyễn Thị Ngọc M** phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001079 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Ngọc M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. P;
- Chi cục THADS Tp P;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Chư Á, TP P,
Tỉnh Gia Lai(Giấy CNKH số 112,
đăng ký ngày 26/6/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Đình Hoàng

Doãn Thị Lệ

Nguyễn Thị Hồng Thắm

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Chư Á, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai(Giấy CNKH số 112, đăng ký ngày 26/6/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành

2. Bà Doãn Thị Lệ

Căn cứ Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử tiến hành thảo luận về việc xét xử, hoãn phiên tòa đối với vụ án dân sự thụ lý số 430/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” giữa:

Nguyên đơn: Chị Võ Trình Mỹ Duyên, sinh ngày 27-8-1993

Địa chỉ: 65 Lê Lợi, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Lê Văn Quang, sinh ngày 07-9-1996

Địa chỉ: 66/6 Lý Chính Thắng, tổ 3, phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1: Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho các đương sự trong vụ án đến tham gia tố tụng tại phiên tòa công khai vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 04 tháng 9 năm 2019.

Tuy nhiên đến lúc này đã 14 giờ 00 phút ngày 04-9-2019, bị đơn anh Lê Văn Quang vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn, cần phải hoãn phiên tòa.

Ý kiến hội thẩm thứ hai và chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm thứ nhất.

Hội đồng xét xử biểu quyết nhất trí hoãn phiên tòa, kết quả biểu quyết: 3/3.

Việc thảo luận kết thúc hồi 14 giờ 10 phút ngày 04 tháng 9 năm 2019. Đã lập thành biên bản và các thành viên Hội đồng xét xử thống nhất ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- UBND xã Biển Hồ, thành phố Pleiku,
tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nhàn